

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình, Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NC - TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Dệt
- Ông Đỗ Ngọc Phan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NC, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1995
ĐKHKT: Thôn TB, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa
 - Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1994
ĐKHKT: Thôn TB, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa
- Tại phiên tòa có mặt chị H, Vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2023, bản tự khai ngày 07/02/2023 và quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện NC vào ngày 25 tháng 9

năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M chơi bời, nợ nần, mỗi năm đều phải vay mượn để trả nợ và có người thường xuyên đến nhà đòi nợ gây ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của chị và con. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó anh M không đồng ý và có những hành động xúc phạm chị trên mạng xã hội. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù, anh M có nguyện vọng đoàn tụ, chị cũng đã cho anh M nhiều cơ hội, nhưng anh vẫn không thay đổi, không đưa ra được phương án để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau mà còn có ý ghen tuông vô cớ, thường xuyên có những lời nói thiếu tôn trọng chị và gia đình bên ngoại nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng gây ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống và công việc của chị. Hiện nay, chị không có thai nghén. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huyền Kim N, sinh ngày 13/11/2018, hiện đang ở với chị. Nguyện vọng của chị H khi ly hôn là xin được trực tiếp nuôi con chung. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Về con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi con chung. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con thành niên. Hiện nay, chị đang làm kế toán tại Công ty TNHH ĐTXD Tiến Đạt Thanh Hóa, thu nhập bình quân là 12.000.000đ/tháng. Chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

** Tại bản tự khai ngày 07/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Đức M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện NC ngày 25 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chơi bời, nợ nần, thời gian gần đây do chị H muốn ly hôn, anh đã khuyên bảo, động viên nhưng chị H không đồng ý, mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần vẫn không hàn gắn được. Tuy vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay nhưng anh xác định mâu thuẫn chưa trầm trọng nên anh mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huyền Kim N, sinh ngày 13/11/2018. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NC tại phiên tòa sơ thẩm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng không có lý do chính đáng. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Đức M. Giao cháu Nguyễn Huyền Kim N, sinh ngày 13/11/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con thành niên. Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên không đề nghị HĐXX xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Đức M có hộ khẩu thường trú tại thôn TB, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Nguyễn Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện NC, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS

Quá trình giải quyết vụ án, Anh M không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã MK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 25/9/2018; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, anh M chơi bời, nợ nần, thường xuyên có người nhắn tin và đến nhà đòi nợ. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H xin ly hôn với anh M, về phía anh M mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên, anh M không đưa ra được phương án

để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hơn nữa cuộc sống vợ chồng thiếu sự tôn trọng nhau và gia đình hai bên, vợ chồng luôn có sự nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huyền Kim N, sinh ngày 13/11/2018. Hiện nay con đang ở với chị H.

Nguyên vọng của chị H sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con thành niên, về phía anh M có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Việc xin nuôi con của anh chị là chính đáng, nhưng giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét một cách toàn diện về mọi mặt, đảm bảo được quyền lợi cho con trẻ. Cháu Kim N đang còn nhỏ hơn nữa cháu là con gái nên cần phải có sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ như chị H yêu cầu là phù hợp

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Đức M cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Đức M

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền Kim N, sinh ngày 13/11/2018 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Đức M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con thành niên. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023

Anh Nguyễn Đức M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NC theo biên lai thu số AA/2021/0007181 ngày 07/02/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Đức M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai có mặt chị H, vắng mặt anh M. Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/5/2023), anh M được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện NôngCống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã MK;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Tuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dệt

Đỗ Ngọc Phan

Lê Xuân Tuyên